HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 36/2026/NQ-HĐND	*Hưng Yên, ngày 28 tháng 9 năm 2026*

NGHỊ QUYẾT

Quy định tổng mức chi trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; định mức khoán chi trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 197/2025/QH15 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 289/2025/NĐ-CP của Chính phủ hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 197/2025/QH15 ngày 17 tháng 5 năm 2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật;

Thực hiện Kết luận số 400-KL/TU ngày 18 tháng 9 năm 2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại Hội nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy ngày 17 tháng 9 năm 2026;

Xét Tờ trình số 333/TTr-UBND ngày 24 tháng 9 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định tổng mức chi trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; định mức khoán chi trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 589/BC-BPC ngày 27 tháng 9 năm 2026 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận và kết quả biểu quyết của các vị đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định tổng mức chi trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; định mức khoán chi trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Nghị quyết này quy định tổng mức chi trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; định mức khoán chi trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên.

b) Nghị quyết này không áp dụng đối với xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp xã.

2. Đối tượng áp dụng

a) Cơ quan, tổ chức, cá nhân được giao nhiệm vụ, hoạt động hoặc tham gia xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Tổng mức chi và định mức khoán chi trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Tổng mức chi trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật mới hoặc thay thế của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh là 30.000.000 đồng/01 văn bản.

2. Định mức khoán chi trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh:

a) Định mức khoán chi áp dụng cho việc xây dựng văn bản quy phạm pháp luật mới hoặc thay thế hoặc sửa đổi, bổ sung một số điều của 02 văn bản quy phạm pháp luật trở lên: chi tiết tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết này.

b) Định mức khoán chi áp dụng cho việc xây dựng văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 01 văn bản quy phạm pháp luật: chi tiết tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị quyết này.

c) Định mức khoán chi áp dụng cho việc xây dựng văn bản quy phạm pháp luật bãi bỏ một phần hoặc bãi bỏ toàn bộ văn bản quy phạm pháp luật: chi tiết tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị quyết này.

3. Người đứng đầu các cơ quan thực hiện nhiệm vụ, hoạt động trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật căn cứ tổng mức chi và định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động quy định tại các Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này được quyền chủ động quyết định nội dung chi, thay đổi các nội dung chi theo quy định tại khoản 7 Điều 4 Nghị quyết số 197/2025/QH15.

Điều 3. Nguồn kinh phí

Nguồn kinh phí đối với công tác xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật do ngân sách nhà nước bảo đảm theo phân cấp quản lý ngân sách nhà nước của Luật Ngân sách nhà nước và quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày 08 tháng 10 năm 2026.

2. Nghị quyết số 363/2023/NQ-HĐND ngày 10 tháng 5 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên quy định định mức phân bổ và nội dung chi, định mức chi kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Hưng Yên và nội dung tại số thứ tự 4 Danh mục Văn bản

quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên (cũ) hoặc tỉnh Thái Bình được lựa chọn áp dụng trên địa bàn tỉnh Hưng Yên ban hành kèm theo Nghị quyết số 759/NQ-HĐND ngày 10 tháng 10 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên về việc lựa chọn các văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên (cũ) và tỉnh Thái Bình để áp dụng trên địa bàn tỉnh Hưng Yên hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành.

3. Các nội dung chi, định mức chi liên quan đến hoạt động thẩm tra, rà soát kỹ thuật, hoàn thiện dự thảo nghị quyết quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh không áp dụng quy định tại khoản 1 và điểm c khoản 2 Điều 3 Nghị quyết số 778/2025/NQ-HĐND ngày 12 tháng 11 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên quy định một số chế độ và định mức chi tiêu tài chính phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

Hội đồng nhân dân tỉnh giao:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức, triển khai thực hiện Nghị quyết này đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các vị đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân tỉnh Hưng Yên Khóa XVIII, Kỳ họp thứ 4 thông qua ngày 28 tháng 9 năm 2026./.

Nơi nhận:
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính (Vụ Pháp chế); Tư pháp (Cục KTVB và TCTHPL);
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Các vị đại biểu HĐND tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Sở Tư pháp (Cơ sở dữ liệu Quốc gia về pháp luật);
- Kiểm toán Nhà nước khu vực XI;
- Kho bạc Nhà nước khu vực IV;
- Đảng ủy, Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các xã, phường;
- Trung tâm Thông tin - Hội nghị tỉnh Hưng Yên;
- Cổng thông tin điện tử ĐBND tỉnh Hưng Yên;
- Báo và phát thanh truyền hình Hưng Yên;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

Ký bởi: Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên
Cơ quan: Tỉnh Hưng Yên
Thời gian ký: 01/10/2026 20:34:50

Trần Quốc Văn

Phụ lục I

ĐỊNH MỨC KHOÁN CHI ÁP DỤNG CHO VIỆC XÂY DỰNG VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT MỚI HOẶC THAY THẾ HOẶC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA 02 VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT TRỞ LÊN

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 36/2026/NQ-HĐND ngày 28 tháng 9 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Loại văn bản	Tổng	Thực hiện nhiệm vụ của cơ quan chủ trì soạn thảo	Thực hiện nhiệm vụ thẩm định	Thực hiện nhiệm vụ tổng hợp, rà soát hồ sơ trình Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân/thực hiện rà soát, tổng hợp ý kiến tham gia của Ủy ban nhân dân tỉnh	Thực hiện nhiệm vụ thẩm tra	Thực hiện nhiệm vụ chỉnh lý, hoàn thiện để thông qua, phát hành
1	Nghị quyết quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh	**250**	140	21	14	55	20
2	Quyết định quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh	**100**	80	12	8		
3	Quyết định quy phạm pháp luật của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh	**30**	24	3,6	2,4		

Phụ lục II

ĐỊNH MỨC KHOÁN CHI ÁP DỤNG CHO VIỆC XÂY DỰNG VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA 01 VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 36/2026/NQ-HĐND ngày 28 tháng 9 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Loại văn bản	Tổng	Thực hiện nhiệm vụ của cơ quan chủ trì soạn thảo	Thực hiện nhiệm vụ thẩm định	Thực hiện nhiệm vụ tổng hợp, rà soát hồ sơ trình Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân/thực hiện rà soát, tổng hợp ý kiến tham gia của Ủy ban nhân dân tỉnh	Thực hiện nhiệm vụ thẩm tra	Thực hiện nhiệm vụ chỉnh lý, hoàn thiện để thông qua, phát hành
1	Nghị quyết quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh	**150**	84	12,6	8,4	33	12
2	Quyết định quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh	**60**	48	7,2	4,8		
3	Quyết định quy phạm pháp luật của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh	**18**	14,4	2,16	1,44		

Phụ lục III

ĐỊNH MỨC KHOÁN CHI ÁP DỤNG CHO VIỆC XÂY DỰNG VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT BÃI BỎ MỘT PHẦN HOẶC BÃI BỎ TOÀN BỘ VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 36/2026/NQ-HĐND ngày 28 tháng 9 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Loại văn bản	Tổng	Thực hiện nhiệm vụ của cơ quan chủ trì soạn thảo	Thực hiện nhiệm vụ thẩm định	Thực hiện nhiệm vụ tổng hợp, rà soát hồ sơ trình Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân/thực hiện rà soát, tổng hợp ý kiến tham gia của Ủy ban nhân dân tỉnh	Thực hiện nhiệm vụ thẩm tra	Thực hiện nhiệm vụ chỉnh lý, hoàn thiện để thông qua, phát hành
1	Nghị quyết quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh	**75**	42	6,3	4,2	16,5	6
2	Quyết định quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh	**30**	24	3,6	2,4		
3	Quyết định quy phạm pháp luật của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh	**9**	7,2	1,08	0,72		